

Số: 3083/SKHCN-HTS&CNg

Hải Phòng, ngày 17 tháng 7 năm 2026

V/v hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu;
- Ủy ban nhân dân các phường: Phường Trần Hưng Đạo; Phường Trần Liễu; Phường Nguyễn Trãi.

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCN, ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành bộ tiêu chí về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng,

Trên cơ sở các văn bản có liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

I. Đối với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

1. Tiêu chí: Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, Internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất (Tiêu chí 2.6. Phụ lục I, Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND):

1.1. Yêu cầu đối với xã nhóm 1:

Xã có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, Internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất đáp ứng được các điều kiện sau:

a) 100% các thôn¹ trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và cả hai loại dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố

¹ Việc xác định “thôn” căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. “Vùng sản xuất” được quy định tại pháp luật chuyên ngành lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và quy định tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ NNMT phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

định mặt đất và trên mạng băng rộng di động mặt đất.

b) Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

*** Chỉ tiêu đánh giá:** Đạt.

1.2. Yêu cầu đối với xã nhóm 2:

a) 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.

b) Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

*** Chỉ tiêu đánh giá:** Đạt.

Hồ sơ, mẫu biểu, tài liệu kiểm chứng đánh giá tiêu chí: Kèm theo Phụ lục (Mẫu số 1).

2. Tiêu chí: Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn (Tiêu chí 7.1. Phụ lục I, Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND):

Xã có điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn là xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng có khả năng hỗ trợ phục vụ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Về cơ sở vật chất:

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Có treo biển tên điểm phục vụ. Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 04 giờ/ngày làm việc, trừ ngày lễ, tết².

- Về thiết bị tại điểm bưu chính hỗ trợ phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến:

+ Có ít nhất một trong các thiết bị: máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy tính bảng hoặc thiết bị đầu cuối có tính năng tương đương; có kết nối máy quét hoặc thiết bị đầu cuối có tính năng tương đương để quét hồ sơ, tài liệu; được kết nối Internet băng rộng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu.

+ Yêu cầu kỹ thuật đối với máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, máy quét, thiết bị đầu cuối phải đáp ứng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu của máy tính và một số thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số.

² Thời gian phục vụ (tại điểm bưu chính) căn cứ: Khoản 1.3.4 QCVN 141:2025/BKHCN (ban hành kèm theo Thông tư số 49/2025/TT-BKHCN) quy định "Ngày làm việc" là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết). Trường hợp có quy định về việc làm bù thì những ngày làm bù được coi là ngày làm việc.

+ Thiết bị đầu cuối hỗ trợ người dân, doanh nghiệp có khả năng thực hiện được các chức năng, tính năng cơ bản của Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

b) Về dịch vụ bưu chính:

Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư cơ bản có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg.
- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 10 kg.

*** *Chỉ tiêu đánh giá:*** Đạt.

Hồ sơ, mẫu biểu, tài liệu kiểm chứng đánh giá tiêu chí: Kèm theo Phụ lục (Mẫu số 2).

3. Tiêu chí: Có mô hình thôn thông minh (Tiêu chí 7.4. Phụ lục I, Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND):

Mô hình thôn thông minh đối với xã nhóm 1 và xã nhóm 2 đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu với 90% người sử dụng có thể truy nhập Internet cố định, tốc độ trung bình tối thiểu 200 Mb/s.

b) Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn.

c) Có điểm truy cập số cộng đồng: Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn có kết nối Internet cáp quang băng rộng.

d) Tối thiểu 90% số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn.

e) Có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng. Người dân trong thôn được phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01 lần/năm.

Ngoài ra, thôn thông minh cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện áp dụng chung đối với thôn theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền hướng dẫn tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

*** *Chỉ tiêu đánh giá:*** Đạt.

Hồ sơ, mẫu biểu, tài liệu kiểm chứng đánh giá tiêu chí: Kèm theo Phụ lục (Mẫu số 3).

II. Đối với Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Xã đạt tiêu chí nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng là xã đạt chuẩn theo nội dung tại mục 1 và 2, Phụ lục II, Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026; đồng thời đáp ứng các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại thuộc lĩnh vực do Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách giai đoạn 2026–2030 như sau:

1. Tiêu chí 1.1. Tỷ lệ thôn có hạ tầng băng rộng cố định mặt đất và băng rộng di động mặt đất (cáp quang, 4G/5G) (Tiêu chí 1, nội dung tiêu chí 1.1, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026)

- **Chỉ tiêu đánh giá:** Đạt 100%, tức là toàn bộ các thôn trên địa bàn xã đã được thiết lập đồng thời hạ tầng băng rộng cố định mặt đất (cáp quang) và hạ tầng băng rộng di động mặt đất (4G/5G).

- **Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản xác nhận đã triển khai và tỷ lệ % được thiết lập hạ tầng của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn.

2. Tiêu chí 1.2. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng (Tiêu chí 1, nội dung tiêu chí 1.2, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026)

- **Chỉ tiêu đánh giá:** Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn xã có kết nối Internet băng rộng (bao gồm Internet băng rộng cố định (cáp quang) và Internet băng rộng di động (4G/5G)) đạt từ 95% trở lên.

- **Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản xác nhận của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn; Bảng tổng hợp để tính kết quả % đạt.

3. Tiêu chí 1.3. Tỷ lệ các điểm công cộng (trụ sở xã, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế, điểm du lịch) có điểm truy cập Wifi miễn phí, tốc độ tối thiểu 01 Gb/s hoặc được phủ sóng 5G (Tiêu chí 1, nội dung tiêu chí 1.3, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026)

- **Chỉ tiêu đánh giá:** Đạt 100%, tức là toàn bộ các điểm công cộng trên địa bàn xã (trụ sở xã, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế, điểm du lịch) được đáp ứng một trong các điều kiện sau: Được lắp đặt tối thiểu 01 điểm truy cập Wifi miễn phí có tốc độ tối thiểu 01 Gb/s hoặc được phủ sóng mạng viễn thông băng rộng di động 5G.

- **Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản xác nhận đã triển khai hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông đang cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn; Hoặc ảnh kết quả đo tốc độ truy cập internet thông qua Hệ thống/ Ứng dụng đo tốc độ truy cập internet của Trung tâm Internet Việt Nam tại các điểm công cộng.

4. Tiêu chí 1.4. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số (Tiêu chí 1, nội dung tiêu chí 1.4, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026)

- **Chỉ tiêu đánh giá:** Đạt 100% số cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số.

- **Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo kết quả của đơn vị, trong đó nêu rõ tổng số cán bộ, công chức của đơn vị, tổng số cán bộ công chức được tập huấn (có danh sách kèm theo các lớp học của thành phố, đơn vị tự tổ chức).

Trên đây là hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ đối với thực hiện các nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trường hợp các văn bản nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn

bản thì thực hiện theo văn bản mới, tùy theo tình hình thực tế của thành phố, văn bản này sẽ được cập nhật.

Trong quá trình triển khai thực hiện hướng dẫn này, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản hồi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, giải quyết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để b/c);
- Sở NN&MT (để ph/h);
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, HTS&CNg.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Huy Thắng

PHỤ LỤC 1
MẪU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 2.6

Mẫu số 01

UBND XÃ/PHƯỜNG/
ĐẶC KHU...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí 2.6: Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất

1. Bảng tổng hợp tiêu chí:

STT	Tên xã	Nhóm xã	Tỷ lệ thôn có hạ tầng và dịch vụ điện thoại đáp ứng quy chuẩn trên mạng viễn thông cố định mặt đất (%)	Tỷ lệ thôn có hạ tầng và dịch vụ điện thoại đáp ứng quy chuẩn trên mạng viễn thông di động mặt đất (%)	Tỷ lệ thôn có hạ tầng và dịch vụ Internet đáp ứng quy chuẩn trên mạng Internet băng rộng cố định mặt đất (%)	Tỷ lệ thôn có hạ tầng và dịch vụ Internet đáp ứng quy chuẩn trên mạng Internet băng rộng di động mặt đất (%)	Đánh giá (Đạt/ Không đạt)

2. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

Căn cứ kết quả rà soát và hồ sơ minh chứng kèm theo, Ủy ban nhân dân xã ... tự đánh giá mức độ: *Đạt/Không đạt*.

3. Tài liệu kiểm chứng:

- Văn bản xác nhận đã triển khai hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông đang cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn (trong đó thể hiện rõ từng thôn đã có hạ tầng và tỷ lệ % khu dân cư, vùng sản xuất trong thôn được phủ sóng viễn thông, internet).

LẬP BẢNG
(Họ tên, Số điện thoại)

....., ngày tháng năm 20...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 2
MẪU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 7.1

Mẫu số 02

UBND XÃ/PHƯỜNG/
ĐẶC KHU...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày tháng năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ
Tiêu chí 7.1. Xã có điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn

1. Bảng tổng hợp tiêu chí:

STT	Tên điểm phục vụ bưu chính	Địa chỉ	Nội dung tiêu chí (yêu cầu đạt)									Đánh giá (Đạt/ Không đạt)
			Cơ sở vật chất				Dịch vụ bưu chính		Thiết bị tại điểm bưu chính hỗ trợ phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến			
			Mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính	Treo biển tên điểm phục vụ	Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ	Thời gian mở cửa phục vụ ... giờ/ngày	Cung cấp dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg	Cung cấp dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 10 kg	Trang thiết bị phục vụ người dân ¹	Yêu cầu kỹ thuật ²	Thiết bị đầu cuối ³	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	

¹ Có ít nhất một trong các thiết bị: máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy tính bảng hoặc thiết bị đầu cuối có tính năng tương đương; có kết nối máy quét hoặc thiết bị đầu cuối có tính năng tương đương để quét hồ sơ, tài liệu; được kết nối Internet băng rộng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu.

² Yêu cầu kỹ thuật đối với máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, máy quét, thiết bị đầu cuối phải đáp ứng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu của máy tính và một số thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số.

³ Thiết bị đầu cuối hỗ trợ người dân, doanh nghiệp có khả năng thực hiện được các chức năng, tính năng cơ bản của Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

Căn cứ kết quả rà soát và hồ sơ minh chứng kèm theo, Ủy ban nhân dân xã ... tự đánh giá mức độ: *Đạt / Không đạt*.

3. Hồ sơ kiểm chứng (Lần lượt theo cột được đánh số Bảng tổng hợp tiêu chí tại mục 1):

- Cột (1): Ảnh chụp mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính.
- _ Cột (2): Ảnh chụp Biển tên điểm phục vụ.
- _ Cột (3): Ảnh chụp niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.
- Cột (4): Tài liệu chứng minh thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc theo quy định.
- Cột (5): Tài liệu chứng minh đảm bảo cung cấp dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02kg.
- Cột (6): Tài liệu chứng minh đảm bảo cung cấp dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 10kg.
- Cột (7): Hợp đồng thuê bao internet (theo tên và địa chỉ) của điểm phục vụ hoặc hóa đơn thanh toán cước phí gần nhất. Ảnh chụp các loại thiết bị phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi có nhu cầu. Tài liệu minh chứng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu.
- Cột (8): Ảnh chụp và tài liệu chứng minh đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định (theo Công văn số 519/BKHCN CĐSQG ngày 29/01/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ).
- Cột (9): Ảnh chụp và các tài liệu kỹ thuật chứng minh khả năng theo quy định.

LẬP BẢNG
(Họ tên, số điện thoại)

..., ngày ... tháng ... năm 20...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3
MẪU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 7.4

Mẫu số 03

UBND XÃ/PHƯỜNG/
ĐẶC KHU...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ
TIÊU CHÍ 7.4 XÃ CÓ MÔ HÌNH THÔN THÔNG MINH

1. Mô hình thôn thông minh

STT	Tên thôn thông minh	Tỷ lệ hộ dân có khả năng tiếp cận cáp quang (%)	Tỷ lệ hộ dân có khả năng tiếp cận cáp quang với tốc độ truy nhập Internet cố định trung bình ≥ 200 Mb/s (%)	Tỷ lệ dân số được phủ sóng viễn thông băng rộng di động 5G (%)	Tổng số nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng (điểm truy cập số cộng đồng) trên địa bàn (điểm)	Số nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng (điểm truy cập số cộng đồng) có kết nối Internet cáp quang băng rộng (điểm)	Tổng số thuê bao thuộc địa bàn (thuê bao)	Số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh thuộc địa bàn (thuê bao)	Địa phương đã có tổ công nghệ số cộng đồng chưa (Có/chưa)	Địa phương đã tổ chức phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01 lần/năm chưa chưa (Có/chưa)	Tỷ lệ người dân trong thôn đã được phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01 lần/năm chưa chưa (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

2. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

Căn cứ kết quả rà soát và hồ sơ minh chứng kèm theo, Ủy ban nhân dân xã ... tự đánh giá mức độ: *Đạt/Không đạt*.

3. Tài liệu kiểm chứng:

- Quyết định hoặc văn bản của UBND cấp có thẩm quyền lựa chọn/xây dựng mô hình thôn thông minh;

- Kế hoạch triển khai mô hình thôn thông minh của UBND xã;
- Báo cáo kết quả triển khai mô hình;
- Biên bản kiểm tra, nghiệm thu hoặc xác nhận kết quả của cơ quan chuyên môn (nếu có);
- Hình ảnh minh chứng trước và sau khi triển khai;
- Hồ sơ đầu tư, mua sắm hoặc bàn giao các hạng mục (nếu có);
- Văn bản xác nhận đã triển khai hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông đang cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn (trong đó thể hiện các trường thông tin của các tiêu chí số: 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9 trong bảng tại mục 1 mẫu biểu này)

LẬP BẢNG
(Họ tên, số điện thoại)

..., ngày ... tháng ... năm 20...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)